

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2026 - 2027
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÝ TỰ TRỌNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày tháng năm 2026 của Sở GD&ĐT)

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Học sinh trường	Điểm môn chung				Điểm môn chuyên				KK	ĐXT C1	ĐXT C2	Ghi chú
						Văn	Toán	Anh	Pháp	Chuyên 1		Chuyên 2					
1	010569	Nguyễn Trọng Nhân	28/05/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	8,50	9,50	10,00		Toán	10,00				48,00		Trúng tuyển
2	010913	Nguyễn Huỳnh Phương Uyên	01/11/2011	x	Trường THCS An Hòa 2	9,00	10,00	9,85		Lý	9,50				47,85		Trúng tuyển
3	010323	Lê Khoa	16/07/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	7,75	10,00	9,75		Sinh	10,00				47,50		Trúng tuyển
4	010690	Nguyễn Trần Khánh Quỳnh	27/04/2011	x	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	9,00	9,75	9,70		Hóa	9,45				47,35		Trúng tuyển
5	010172	Đặng Tiến Đạt	24/10/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	7,75	9,75	10,00		Hóa	9,88				47,26		Trúng tuyển
6	010732	Nguyễn Phước Thành	05/12/2011		Trường THCS Trần Hưng Đạo	7,50	9,50	9,85		Toán	10,00				46,85		Trúng tuyển
7	010478	Nguyễn Kim Bảo Ngân	01/03/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	8,75	9,00	9,85		Văn	9,50				46,60		Trúng tuyển
8	010820	Trương Gia Tịnh	12/08/2010		Trường THCS Nguyễn Trãi	7,50	9,50	10,00		Lý	9,75				46,50		Trúng tuyển
9	010935	Nguyễn Lê Vy	20/04/2011	x	Trường THCS An Hòa 2	8,25	9,75	9,75		Hóa	9,30				46,35		Trúng tuyển
10	010711	Trương Hoàng Thắng	02/03/2011		Trường THCS An Hòa 1	8,58	9,75	10,00		Toán	9,00				46,33		Trúng tuyển
11	010186	Lê Thanh Hà	01/04/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	9,25	9,75		9,20	Toán	8,50			1,0	46,20		Trúng tuyển
12	010200	Lê Ngọc Hân	22/01/2011	x	Trường THCS An Thới	8,25	9,55	9,35		Sử	9,25			0,5	46,15		Trúng tuyển
13	010280	Châu Nhật Hy	17/02/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	8,75	8,50	9,60		Sinh	9,63				46,11		Trúng tuyển
14	010576	Nguyễn Ngọc Phương Nhi	25/07/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	8,50	9,50	9,85		Sinh	9,13				46,11		Trúng tuyển
15	010756	Trần Thịnh	07/10/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,25	9,00	9,85		Tin	10,00				46,10		Trúng tuyển
16	010009	Dương Mỹ An	31/01/2011	x	Trường THCS Lương Thế Vinh	9,00	10,00	9,75		Sinh	8,63				46,01		Trúng tuyển
17	010686	Huỳnh Nguyễn Lam Quỳnh	03/12/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	9,00	10,00	10,00		Toán	8,50				46,00		Trúng tuyển
18	010707	Trần Quang Thái	01/01/2011		Trường THCS An Hòa 2	8,50	9,80	9,20		Sử	9,25				46,00		Trúng tuyển
19	010081	Nguyễn Trương Minh Ánh	11/09/2011	x	Trường THCS Lương Thế Vinh	8,25	9,00	10,00		Lý	9,25				45,75		Trúng tuyển

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Học sinh trường	Điểm môn chung				Điểm môn chuyên				KK	ĐXT C1	ĐXT C2	Ghi chú
						Văn	Toán	Anh	Pháp	Chuyên 1		Chuyên 2					
20	010869	Hoàng Thanh Trúc	22/02/2011	x	Trường THCS Trà An	8,75	9,00	10,00		Lý	9,00				45,75		Trúng tuyển
21	010541	Nguyễn Khôi Nguyên	09/10/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,25	8,75	9,70		Tin	10,00				45,70		Trúng tuyển
22	010709	Trần Đại Thắng	30/04/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	9,00	9,05	9,10		Sử	9,25				45,65		Trúng tuyển
23	010033	Nguyễn Hoàng Tuấn Anh	28/05/2011		Trường THCS Hưng Phú	8,00	9,00	10,00		Tin	9,30				45,60		Trúng tuyển
24	010823	Lâm Ngọc Toàn	01/11/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	8,00	10,00	10,00		Anh	8,80				45,60		Trúng tuyển
25	010708	Lư Thanh Thái	09/04/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	9,00	10,00	10,00		Toán	8,25				45,50		Trúng tuyển
26	010813	Bùi Thảo Tiên	05/02/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,00	9,75	9,75		Hóa	9,40				45,30		Trúng tuyển
27	010151	Trương Minh Duy	19/12/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	7,25	9,75	9,85		Hóa	9,19				45,23		Trúng tuyển
28	010670	Trịnh Minh Quân	05/11/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	6,50	9,00	9,85		Tin	9,90				45,15		Trúng tuyển
29	010495	Lê Thanh Nghị	15/11/2011		Trường THCS An Khánh	7,25	9,25	9,60		Toán	9,50				45,10		Trúng tuyển
30	010702	Ngô Phương Tài	20/01/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	8,25	10,00	9,85		Toán	8,50				45,10		Trúng tuyển
31	010140	Đoàn Quang Dũng	01/06/2011		Trường THCS An Hòa 2	8,00	9,75	9,30		Tin	9,00				45,05		Trúng tuyển
32	010253	Đặng Đình Huy	24/10/2011		Trường THCS An Bình	7,75	8,05	9,45		Tin	9,90				45,05		Trúng tuyển
33	010632	Nguyễn Doãn Phúc	22/10/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,50	9,55	9,45		Toán	9,25				45,00		Trúng tuyển
34	010500	Hồ Sỹ Nghĩa	24/09/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,50	8,75	9,85		Hóa	9,38				44,86		Trúng tuyển
35	010258	Nguyễn Hoàng Huy	03/08/2011		Trường THCS và THPT Hòa An	7,75	9,25	9,85		Lý	9,00				44,85		Trúng tuyển
36	010406	Trần Phước Lợi	20/12/2011		Trường THCS Cái Tắc	8,75	9,25	9,85		Toán	8,50				44,85		Trúng tuyển
37	010102	Nguyễn Lê Khánh Bình	02/08/2011	x	Trường THCS An Hòa 1	8,50	9,25	10,00		Toán	8,50				44,75		Trúng tuyển
38	010567	Nguyễn Trọng Nhân	09/08/2011		Trường THCS Lê Lợi	8,50	9,50	9,75		Toán	8,50				44,75		Trúng tuyển
39	010833	Võ Huyền Trân	10/11/2011	x	THCS Nguyễn Trãi	7,58	9,50	9,60		Sinh	9,00				44,68		Trúng tuyển
40	010185	Nguyễn Thái Ngân Hà	12/02/2011	x	Trường THCS Lương Thế Vinh	8,75	9,50	9,60		Tin	8,40				44,65		Trúng tuyển
41	010902	Nguyễn Ngọc Cát Tường	13/04/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	8,50	8,75	9,70		Trung	8,85				44,65		Trúng tuyển
42	010502	Trần Quốc Nghiêm	24/12/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	8,50	9,25	9,75		Anh	8,55				44,60		Trúng tuyển

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Học sinh trường	Điểm môn chung				Điểm môn chuyên				KK	ĐXT C1	ĐXT C2	Ghi chú
						Văn	Toán	Anh	Pháp	Chuyên 1		Chuyên 2					
43	010762	Phan Thái Thịnh	11/10/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,50	8,75	8,85		Lý	9,75				44,60		Trúng tuyển
44	010777	Lê Ngô Anh Thư	05/07/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	8,75	10,00	9,85		Toán	8,00				44,60		Trúng tuyển
45	010076	Đoàn Trâm Anh	20/03/2011	x	Trường THCS An Hòa 1	8,00	9,50	10,00		Anh	8,50				44,50		Trúng tuyển
46	010149	Nguyễn Hoàng Duy	18/03/2011		Trường THCS Lê Quý Đôn	8,00	9,75	9,75		Toán	8,50				44,50		Trúng tuyển
47	010810	Lê Ngọc Bảo Tiên	18/10/2011	x	Trường THCS Chu Văn An	7,50	8,80	9,70		Sinh	9,25				44,50		Trúng tuyển
48	010187	Nguyễn Thanh Hà	10/05/2011	x	Trường THCS Lương Thế Vinh	8,25	10,00	10,00		Hóa	8,10				44,45		Trúng tuyển
49	010893	Vũ Đức Duy Tùng	24/10/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	8,00	9,75	9,70		Toán	8,50				44,45		Trúng tuyển
50	010232	Văn Hiếu Học	22/07/2011		Trường THCS Thốt Nốt	8,25	9,50	9,60		Toán	8,50				44,35		Trúng tuyển
51	010900	Kha Ngọc Cát Tường	20/07/2011	x	Trường THCS Hưng Thạnh	8,25	9,50	9,60		Toán	8,50				44,35		Trúng tuyển
52	010099	Huỳnh Thái Bảo	20/07/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	8,25	9,75	10,00		Anh	8,15				44,30		Trúng tuyển
53	010578	Huỳnh Thị Ngọc Nhi	30/10/2011	x	Trường THCS An Thới	8,50	9,00	10,00		Hóa	8,38				44,26		Trúng tuyển
54	010096	Đoàn Lê Thiên Bảo	16/12/2011		Trường THCS An Hòa 2	8,00	10,00	9,85		Anh	8,20				44,25		Trúng tuyển
55	010748	Trần Bá Thế	12/06/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	8,50	8,55	9,35		Sinh	8,88				44,16		Trúng tuyển
56	010242	Ninh Nguyễn Hưng	15/11/2011		THCS Nguyễn Trãi	9,00	8,50	9,60		Toán	8,50				44,10		Trúng tuyển
57	010662	Trần Thị Bích Phương	12/12/2011	x	Trường TH và THCS Thạnh An	7,50	9,25	9,35		Lý	9,00				44,10		Trúng tuyển
58	010803	Trương Nguyễn Bảo Thy	14/09/2011	x	Trường THCS Thạnh An 1	7,16	9,75	9,60		Toán	8,75				44,01		Trúng tuyển
59	010075	Nguyễn Thị Xuân Anh	07/03/2011	x	Trường THCS Lương Thế Vinh	8,25	7,30	9,45		Địa	9,50				44,00		Trúng tuyển
60	010809	Trần Ngọc Tiến	20/09/2011		Trường THCS Lê Quý Đôn	7,00	9,00	10,00		Toán	9,00				44,00		Trúng tuyển
61	010405	Nguyễn Thành Lộc	15/07/2011		Trường THCS Thới Bình	8,75	9,50	9,20		Lý	8,25				43,95		Trúng tuyển
62	010554	Nguyễn Trần Bảo Nguyên	11/03/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	7,25	9,50	9,20		Toán	9,00				43,95		Trúng tuyển
63	010771	Võ Anh Thư	27/03/2011	x	Trường THCS Trần Hưng Đạo	8,50	8,85	9,60		Văn	8,50				43,95		Trúng tuyển
64	010176	Nguyễn Phúc Đông	02/09/2011		Trường THCS Hưng Thạnh	7,50	8,75	9,60		Tin	9,00				43,85		Trúng tuyển
65	010336	Trần Đăng Khôi	19/07/2011		Trường THCS Chu Văn An	8,00	10,00	9,85		Toán	8,00				43,85		Trúng tuyển

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Học sinh trường	Điểm môn chung				Điểm môn chuyên				KK	ĐXT C1	ĐXT C2	Ghi chú
						Văn	Toán	Anh	Pháp	Chuyên 1		Chuyên 2					
66	010540	Phan Hữu Nguyên	27/02/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	8,50	9,50	9,85		Toán	8,00				43,85		Trúng tuyển
67	010547	Lê Phúc Nguyên	10/02/2011		Trường THCS Trần Hưng Đạo	7,75	9,30	9,70		Anh	8,55				43,85		Trúng tuyển
68	010883	Phạm Anh Tuấn	23/05/2011		Trường THCS Lê Quý Đôn	8,25	9,25	9,75		Anh	8,30				43,85		Trúng tuyển
69	010404	Nguyễn Phước Lộc	12/03/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,50	9,50	9,30		Lý	8,75				43,80		Trúng tuyển
70	010254	Đỗ Đức Huy	10/08/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	7,75	8,75	10,00		Sinh	8,63				43,76		Trúng tuyển
71	010705	Nguyễn Hoàng Khánh Tâm	03/11/2011	x	Trường THCS Lương Thế Vinh	9,00	8,15	9,85		Hóa	8,38				43,76		Trúng tuyển
72	010907	Cao Kim Tuyền	16/04/2011	x	Trường THCS Trung Hưng	8,00	9,30	9,20		Sinh	8,63				43,76		Trúng tuyển
73	010084	Lê Hoàng Bách	13/11/2011		Trường THCS Lê Quý Đôn	7,50	9,25	10,00		Toán	8,50				43,75		Trúng tuyển
74	010459	Lê Hoàng Mỹ	01/06/2011	x	Trường THCS Hưng Thạnh	8,25	9,75	9,75		Toán	8,00				43,75		Trúng tuyển
75	010560	Tiêu Lê Trọng Nhân	20/11/2011		Trường THCS Bình Thủy	7,75	9,75	9,85		Tin	8,20				43,75		Trúng tuyển
76	010090	Trần Đỗ Gia Bảo	15/09/2011		Trường THCS Lê Quý Đôn	6,75	9,00	9,45		Toán	9,25				43,70		Trúng tuyển
77	010453	Nguyễn Tiến Minh	19/05/2011		Trường THCS An Khánh	7,50	9,75	9,40		Toán	8,50				43,65		Trúng tuyển
78	010069	Trần Quỳnh Anh	20/09/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,75	9,75	9,10		Toán	8,50				43,60		Trúng tuyển
79	010103	Huỳnh Phúc Bình	06/05/2011		Trường THCS An Khánh	8,50	9,25	9,85		Tin	8,00				43,60		Trúng tuyển
80	010341	Trần Lê Minh Khôi	01/08/2011		Trường THCS Chu Văn An	8,25	9,50	9,85		Toán	8,00				43,60		Trúng tuyển
81	010519	Nguyễn Minh Ngọc	04/11/2011	x	Trường THCS An Thới	9,25	9,25	9,60		Văn	7,75				43,60		Trúng tuyển
82	010939	Huỳnh Ngọc Khánh Vy	05/04/2011	x	Trường THCS Lương Thế Vinh	8,50	8,75	9,85		Anh	8,25				43,60		Trúng tuyển
83	010301	Nguyễn Phúc Khang	07/12/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	8,50	9,25	9,30		Anh	8,25				43,55		Trúng tuyển
84	010114	Đỗ Bảo Châu	02/03/2011		Trường THCS Thạnh An 1	7,75	9,75	9,50		Toán	8,25				43,50		Trúng tuyển
85	010333	Võ Anh Khôi	17/03/2011		Phổ thông Việt Mỹ	7,75	9,25	10,00		Toán	8,00			0,5	43,50		Trúng tuyển
86	010467	Tô Hoàng Nam	31/03/2011		Trường THCS An Hòa 2	8,00	9,50	10,00		Toán	8,00				43,50		Trúng tuyển
87	010669	Nguyễn Minh Quân	28/08/2011		Thí sinh tự do	7,50	9,25	9,75		Lý	8,50				43,50		Trúng tuyển
88	010943	Trần Nhã Vy	22/02/2011	x	Trường THCS Chu Văn An	8,50	9,80	9,70		Toán	7,75				43,50		Trúng tuyển

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Học sinh trường	Điểm môn chung				Điểm môn chuyên				KK	ĐXT C1	ĐXT C2	Ghi chú
						Văn	Toán	Anh	Pháp	Chuyên 1		Chuyên 2					
89	010248	Huỳnh Trần Gia Hưng	12/09/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	7,50	9,25	9,70		Anh	8,50				43,45		Trúng tuyển
90	010786	Nguyễn Phan Anh Thư	23/01/2011	x	Trường THCS Lương Thế Vinh	9,00	9,05	9,85		Sinh	7,75				43,40		Trúng tuyển
91	010726	Phan Mỹ Thanh	17/06/2011	x	Trường THCS Hưng Phú	8,50	8,50	9,85		Văn	8,25				43,35		Trúng tuyển
92	010894	Nguyễn Nhật Tùng	15/02/2011		Trường THCS Trà An	7,75	9,25	9,85		Toán	8,25				43,35		Trúng tuyển
93	010293	Trang Hoàng Khang	23/06/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,50	9,05		9,70	Pháp	8,53				43,31		Trúng tuyển
94	010941	Đặng Nguyễn Thảo Vy	23/03/2011	x	Trường THCS An Thới	8,00	9,50	9,85		Trung	7,98				43,31		Trúng tuyển
95	010093	Nguyễn Gia Bảo	09/06/2011		Trường THCS An Hòa 1	6,75	9,50	9,85		Hóa	8,55				43,20		Trúng tuyển
96	010369	Châu Gia Lạc	15/02/2011		Trường THCS Chu Văn An	8,25	9,25	9,20		Toán	8,25				43,20		Trúng tuyển
97	010504	Thái Dương Bách Ngọc	27/09/2011	x	Trường THCS Lương Thế Vinh	8,25	8,75	9,60		Hóa	8,28				43,16		Trúng tuyển
98	010298	Phạm Minh Khang	06/01/2011		Trường THCS Hưng Thạnh	8,00	9,75	9,40		Toán	8,00				43,15		Trúng tuyển
99	010359	Ngô Nguyễn Diễm Kiều	20/10/2011	x	Trường THCS Lương Thế Vinh	8,00	9,60	9,75		Sinh	7,88				43,11		Trúng tuyển
100	010955	Đoàn Thị Như Ý	14/03/2011	x	Trường THCS Lương Thế Vinh	9,00	8,35	10,00		Sinh	7,88				43,11		Trúng tuyển
101	010062	Nguyễn Phương Anh	28/10/2011	x	Trường THCS An Hòa 1	7,50	8,80	9,70		Hóa	8,55				43,10		Trúng tuyển
102	010068	Phạm Quỳnh Anh	23/01/2011	x	Trường THCS Thị Trấn Thới Lai	8,75	8,50	9,35		Văn	8,25				43,10		Trúng tuyển
103	010267	Nguyễn Quốc Huy	27/09/2011		Trường THCS Châu Văn Liêm	6,75	9,55	9,50		Hóa	8,65				43,10		Trúng tuyển
104	010296	Nguyễn Minh Khang	02/02/2011		Trường THCS Trần Hưng Đạo	7,00	9,50	9,60		Toán	8,50				43,10		Trúng tuyển
105	010505	Nguyễn Đặng Bảo Ngọc	03/04/2011	x	Trường THCS Lương Thế Vinh	8,00	9,50	9,60		Văn	8,00				43,10		Trúng tuyển
106	010241	Đặng Mạnh Hùng	24/01/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	7,50	8,50	9,85		Tin	8,60				43,05		Trúng tuyển
107	010451	Dương Nguyễn Nhật Minh	06/01/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	8,50	9,50	10,00		Toán	7,50				43,00		Trúng tuyển
108	010791	Lâm Nhựt Thuận	13/11/2011		Trường THCS An Hòa 2	7,50	9,75	9,75		Lý	8,00				43,00		Trúng tuyển
109	010483	Trần Ngọc Thu Ngân	08/11/2011	x	Trường THCS Lương Thế Vinh	7,75	9,50	9,70		Sinh	8,00				42,95		Trúng tuyển
110	010640	Nguyễn Kim Phúc	30/09/2011	x	Trường THCS Chu Văn An	8,25	9,25	9,85		Anh	7,80				42,95		Trúng tuyển
111	010415	Võ Thanh Luân	09/11/2011		Trường THCS An Thới	7,75	9,30	9,85		Hóa	8,00				42,90		Trúng tuyển

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Học sinh trường	Điểm môn chung				Điểm môn chuyên				KK	ĐXT C1	ĐXT C2	Ghi chú
						Văn	Toán	Anh	Pháp	Chuyên 1		Chuyên 2					
112	010964	Nguyễn Ngọc Hoàng Yến	05/11/2011	x	Trường THCS Long Tuyền	8,00	9,50	9,40		Sinh	8,00				42,90		Trúng tuyển
113	010197	Cao Lê Ngọc Hân	04/03/2011	x	Trường THCS Lương Thế Vinh	8,00	9,25	9,35		Sinh	8,13				42,86		Trúng tuyển
114	010226	Lê Minh Hòa	17/11/2011		Trường THCS và THPT Thới Thuận	8,00	9,00	8,60		Sinh	8,63				42,86		Trúng tuyển
115	010213	Phan Chí Hào	30/10/2011		Trường THCS Chu Văn An	7,75	9,05	8,85		Tin	8,60				42,85		Trúng tuyển
116	010589	Trần Lê Gia Như	21/12/2011	x	Trường THCS Hưng Thạnh	8,50	8,25	9,60		Văn	8,25				42,85		Trúng tuyển
117	010704	Trần Thành Tài	06/04/2011		Trường THCS Châu Văn Liêm	8,25	10,00	9,60		Toán	7,50				42,85		Trúng tuyển
118	010145	Nguyễn Ngọc Thùy Dương	18/07/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,25	8,80	9,75		Sinh	8,50				42,80		Trúng tuyển
119	010261	Nguyễn Minh Huy	31/08/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	7,75	9,75	9,55		Anh	7,85				42,75		Trúng tuyển
120	010564	Văn Thành Nhân	29/01/2011		Trường THCS An Khánh	7,75	9,75	9,75		Toán	7,75				42,75		Trúng tuyển
121	010646	Nguyễn Thiên Phúc	06/01/2011		THCS Nguyễn Trãi	5,75	9,25	9,70		Sinh	9,00				42,70		Trúng tuyển
122	010721	Nguyễn Doãn Xuân Thành	25/04/2011		Trường THCS Kinh Cù	6,25	9,75	9,70		Toán	8,50				42,70		Trúng tuyển
123	010727	Nguyễn Ngân Thanh	11/05/2011	x	Trường THCS Lương Thế Vinh	9,00	9,50	9,70		Toán	7,25				42,70		Trúng tuyển
124	010739	Nguyễn Trần Nhật Thanh	16/12/2011		Trường THCS Châu Văn Liêm	8,75	8,55	9,60		Sinh	7,88				42,66		Trúng tuyển
125	010334	Nguyễn Dương Anh Khôi	19/09/2011		Trường THCS Chu Văn An	6,50	9,50	9,85		Anh	8,40				42,65		Trúng tuyển
126	010469	Võ Lê Phương Nam	08/05/2011		Trường THCS An Khánh	8,25	8,75	9,35		Sinh	8,13				42,61		Trúng tuyển
127	010403	Nguyễn Phúc Lộc	30/03/2011		Trường THCS Trung Kiên	8,25	9,00	9,85		Hóa	7,75				42,60		Trúng tuyển
128	010445	Trần Lê Quang Minh	07/01/2011		Trường THCS An Hòa 2	8,25	9,50	9,85		Toán	7,50				42,60		Trúng tuyển
129	010462	Nguyễn Ngọc Phương My	01/12/2011	x	Trường THCS Bình Thủy	8,00	9,00	9,60		Văn	8,00				42,60		Trúng tuyển
130	010542	Trịnh Khôi Nguyên	11/07/2011		Trường THCS và THPT Thới Thuận	7,50	9,25	9,85		Toán	8,00				42,60		Trúng tuyển
131	010131	Phan Nguyễn Huy Cường	27/05/2011		Trường THCS An Hòa 2	8,75	7,80	9,85		Hóa	8,08				42,56		Trúng tuyển
132	010932	Nguyễn Yên Hoàng Vương	08/05/2011		Trường THCS An Hòa 1	8,25	9,50	9,85		Anh	7,45				42,50		Trúng tuyển
133	010456	Nguyễn Tuấn Minh	20/03/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	8,00	9,75		9,05	Pháp	7,83				42,46		Trúng tuyển
134	010938	Nguyễn Minh Trúc Vy	01/11/2011	x	Trường THCS Trần Ngọc Quế	8,50	9,00	9,45		Sinh	7,75				42,45		Trúng tuyển

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Học sinh trường	Điểm môn chung				Điểm môn chuyên				KK	ĐXT C1	ĐXT C2	Ghi chú
						Văn	Toán	Anh	Pháp	Chuyên 1		Chuyên 2					
135	010335	Lê Đăng Khôi	29/10/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	8,25	7,55	9,60		Sử	8,50				42,40		Trúng tuyển
136	010346	Huỳnh Phúc Khôi	23/10/2011		Trường THCS Chu Văn An	8,00	7,75	9,85		Tin	8,40				42,40		Trúng tuyển
137	010409	Mã Kim Long	22/01/2011		Trường THCS An Hòa 2	9,25	9,05	8,10		Sử	8,00				42,40		Trúng tuyển
138	010532	Ngô Tôn Bảo Ngọc	28/05/2011	x	Trường THCS Lê Quý Đôn	7,75	9,55	9,60		Toán	7,75				42,40		Trúng tuyển
139	010175	Văn Phúc Điền	11/06/2011		Trường THCS Chu Văn An	7,50	10,00	9,85		Lý	7,50				42,35		Trúng tuyển
140	010514	Chung Khánh Gia Ngọc	06/02/2011	x	Trường THCS Lương Thế Vinh	8,00	9,50	9,85		Sinh	7,50				42,35		Trúng tuyển
141	010222	Bùi Ngọc Hiếu	29/07/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	8,25	9,80	9,75		Lý	7,25				42,30		Trúng tuyển
142	010819	Nguyễn Chí Tính	04/07/2011		Trường THCS Trương Tấn Lập	8,00	8,25	8,45		Tin	8,80				42,30		Trúng tuyển
143	010238	Hồ Đình Hùng	02/08/2011		Trường THCS Lê Quý Đôn	7,08	9,50	8,70		Toán	8,50				42,28		Trúng tuyển
144	010594	Nguyễn Phan Quỳnh Như	07/09/2011	x	Trường THCS Lương Thế Vinh	8,50	8,55	10,00		Anh	7,60				42,25		Trúng tuyển
145	010812	Phan Quốc Tiến	20/01/2011		Trường THCS và THPT Thới Thuận	6,75	9,75	8,75		Toán	8,50				42,25		Trúng tuyển
146	010104	Nguyễn Thanh Bình	03/12/2011	x	THCS Nguyễn Trãi	8,25	9,25	9,70		Toán	7,50				42,20		Trúng tuyển
147	010617	Nguyễn Bảo Phi	02/04/2011		Trường THCS Bình Thủy	8,00	8,50	9,70		Lý	8,00				42,20		Trúng tuyển
148	010710	Lê Đức Thắng	10/04/2011		Trường THCS An Hòa 2	8,50	9,75	8,95		Toán	7,50				42,20		Trúng tuyển
149	010808	Mai Minh Tiến	27/09/2011		Trường THCS Trà An	7,25	9,00	8,95		Toán	8,50				42,20		Trúng tuyển
150	010128	Lê Nguyên Chương	16/07/2011		Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	7,50	9,80	9,35		Toán	7,75				42,15		Trúng tuyển
151	010479	Nguyễn Lâm Trúc Ngân	07/04/2011	x	Trường THCS Chu Văn An	7,16	9,75	9,85		Hóa	7,68				42,12		Trúng tuyển
152	010180	Phí Minh Giang	06/09/2011	x	Trường THCS Lương Thế Vinh	8,00	9,75	9,85		Anh	7,25				42,10		Trúng tuyển
153	010433	Phạm Anh Minh	29/04/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,75	9,00		7,85	Hóa	8,75				42,10		Trúng tuyển
154	010577	Lê Phương Nhi	04/08/2011	x	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	7,75	8,75	9,20		Anh	8,20				42,10		Trúng tuyển
155	010703	Tăng Tấn Tài	04/01/2011		Trường THCS Phú Thứ	8,50	9,50	8,60		Toán	7,75				42,10		Trúng tuyển
156	010123	Trần Phạm Diệu Châu	03/08/2011	x	Trường THCS Trường Thành 1	9,25	8,00	8,80		Văn	8,00				42,05		Trúng tuyển
157	010912	Lê Hiếu Uyên	26/11/2011	x	Trường THCS Hưng Thạnh	8,75	9,25	9,55		Toán	7,25				42,05		Trúng tuyển

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Học sinh trường	Điểm môn chung				Điểm môn chuyên				KK	ĐXT C1	ĐXT C2	Ghi chú
						Văn	Toán	Anh	Pháp	Chuyên 1		Chuyên 2					
158	010272	Đoàn Thế Huy	20/10/2011		Trường THCS An Hòa 1	7,25	9,25	10,00		Toán	7,75				42,00		Trúng tuyển
159	010535	Ngô Trương Bảo Ngọc	11/08/2011	x	Trường THCS Chu Văn An	8,75	8,50	9,85		Hóa	7,45				42,00		Trúng tuyển
160	010600	Nguyễn Đức Phát	28/02/2011		Trường THCS An Thới	6,50	8,55	8,35		Tin	9,30				42,00		Trúng tuyển
161	010613	Trần Thịnh Phát	18/09/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	8,50	9,55	9,45		Toán	7,25				42,00		Trúng tuyển
162	010743	Lê Phương Thảo	23/05/2011	x	Trường THCS Lương Thế Vinh	8,00	9,25	9,75		Toán	7,50				42,00		Trúng tuyển
163	010300	Lâm Phú Khang	13/09/2011		Trường THCS Hưng Phú	8,00	9,25	9,70		Sinh	7,50				41,95		Trúng tuyển
164	010018	Nguyễn Trần Thúy An	07/08/2011	x	Trường THCS Tân Bình	8,50	9,00	10,00		Anh	7,20				41,90		Trúng tuyển
165	010437	Trương Cao Minh	30/01/2011		Trường THCS Thốt Nốt	8,00	9,00	9,85		Toán	7,50				41,85		Trúng tuyển
166	010944	Phan Nhật Tường Vy	01/02/2011	x	Trường THCS Thị Trấn Cờ Đỏ	8,25	9,25	9,85		Toán	7,25				41,85		Trúng tuyển
167	010080	Nguyễn Ngọc Ánh	06/05/2011	x	Trường THCS Lương Thế Vinh	8,25	7,55	9,85		Anh	8,05				41,75		Trúng tuyển
168	010417	Nguyễn Thanh Thảo Ly	06/01/2011	x	Trường THCS Trà An	9,25	7,85	9,85		Anh	7,40				41,75		Trúng tuyển
169	010419	Bùi Huỳnh Mai	29/01/2011	x	Trường THCS Lương Thế Vinh	9,25	9,75	9,75		Toán	6,50				41,75		Trúng tuyển
170	010008	Lê Minh An	04/11/2011	x	Trường THCS An Hòa 1	9,00	8,00	10,00		Anh	7,35				41,70		Trúng tuyển
171	010270	Đỗ Thanh Huy	01/03/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	8,00	8,50	9,70		Văn	7,75				41,70		Trúng tuyển
172	010291	Nguyễn Hoàng Khang	13/11/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	7,25	8,50	8,55		Tin	8,70				41,70		Trúng tuyển
173	010696	Võ Thanh Sang	26/12/2011		Thí sinh tự do	8,50	8,75	7,95		Toán	7,50			1,5	41,70		Trúng tuyển
174	010264	Võ Nhật Huy	19/11/2011		Trường THCS Đại Hải 2	7,16	9,50	9,00		Toán	8,00				41,66		Trúng tuyển
175	010282	Lê Khả Khả	31/12/2011	x	Trường THCS An Thới	8,25	9,00	10,00		Anh	7,20				41,65		Trúng tuyển
176	010599	Phan Nguyễn Minh Nhật	25/04/2011		Trường THCS Trần Ngọc Quế	7,25	8,80	9,60		Toán	8,00				41,65		Trúng tuyển
177	010624	Lâm Gia Phú	01/06/2011		Trường THCS Lê Quý Đôn	8,25	9,05	9,35		Toán	7,50				41,65		Trúng tuyển
178	010919	Nguyễn Ngọc Khánh Vân	08/11/2011	x	Trường THCS Lương Thế Vinh	8,75	10,00	9,10		Hóa	6,89				41,63		Trúng tuyển
179	010043	Trần Minh Anh	09/04/2011	x	Trường THCS Chu Văn An	8,00	9,00	9,85		Sinh	7,38				41,61		Trúng tuyển
180	010023	Trần Đông Anh	10/01/2011	x	Trường THCS Thốt Nốt	8,25	10,00	9,85		Toán	6,75				41,60		Trúng tuyển

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Học sinh trường	Điểm môn chung				Điểm môn chuyên				KK	ĐXT C1	ĐXT C2	Ghi chú
						Văn	Toán	Anh	Pháp	Chuyên 1		Chuyên 2					
181	010332	Trần Anh Khôi	16/07/2011		Trường THCS An Hòa 1	6,75	8,05	9,70		Anh	8,55				41,60		Trúng tuyển
182	010361	Dương Minh Kim	01/01/2011	x	Trường THCS Kế Sách	7,75	9,50	8,85		Hóa	7,73				41,56		Trúng tuyển
183	010847	Nguyễn Nhật Mai Trang	31/01/2011	x	Trường THCS Trà An	7,75	9,50	9,75		Hóa	7,28				41,56		Trúng tuyển
184	010842	Huỳnh Nhã Trân	30/06/2011	x	Trường THCS Trường Thành 1	8,00	7,70	9,85		Văn	8,00				41,55		Trúng tuyển
185	010373	Lê Huỳnh Tường Lam	16/06/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	8,50	8,30	9,45		Sinh	7,63				41,51		Trúng tuyển
186	010527	Phạm Phương Ngọc	28/11/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,50	8,75	9,60		Hóa	7,83				41,51		Trúng tuyển
187	010854	Nguyễn Minh Triết	13/03/2011		Trường THCS Hưng Thạnh	7,25	7,85	6,90		Địa	9,75				41,50		Trúng tuyển
188	010895	Nguyễn An Tường	13/02/2011		Trường THCS An Thới	7,00	9,75	9,55		Tin	7,60				41,50		Trúng tuyển
189	010252	Trầm Xuân Hường	13/03/2011		Trường TH và THCS Viện Lúa	6,25	9,25	7,95		Lý	9,00				41,45		Trúng tuyển
190	010311	Trịnh Gia Khánh	03/04/2011		Trường THCS Chu Văn An	7,25	9,75	9,45		Toán	7,50				41,45		Trúng tuyển
191	010862	Lê Vĩnh Trọng	11/05/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	8,25	8,75	9,45		Toán	7,50				41,45		Trúng tuyển
192	010144	Hồ Trần Dũng	30/07/2011		Trường THCS An Hòa 2	7,25	9,75	9,35		Hóa	7,53				41,41		Trúng tuyển
193	010025	Nguyễn Hà Minh Anh	01/01/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	8,25	8,05	9,10		Văn	8,00				41,40		Trúng tuyển
194	010482	Nguyễn Ngọc Kiều Ngân	02/10/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	8,75	9,75	10,00		Anh	6,45				41,40		Trúng tuyển
195	010014	Đặng Như An	06/04/2011	x	Trường THCS An Hòa 1	7,75	9,25	9,85		Toán	7,25				41,35		Trúng tuyển
196	010036	Ngô Huỳnh Anh	12/08/2011	x	Trường THCS Tân Thới	8,00	7,35	9,50		Văn	8,25				41,35		Trúng tuyển
197	010583	Trần Mỹ Nhiên	04/04/2011	x	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	8,50	8,40	6,45		Trung	9,00				41,35		Trúng tuyển
198	010612	Nguyễn Thành Phát	20/03/2011		Trường THCS Lê Bình	8,00	8,30	8,45		Tin	8,30				41,35		Trúng tuyển
199	010784	Trần Nguyễn Anh Thư	23/12/2011	x	Trường THCS Hưng Phú	8,00	7,80	8,55		Địa	8,50				41,35		Trúng tuyển
200	010167	Lương Minh Đăng	15/03/2011		Trường THCS Nguyễn Văn Quy	7,00	9,50	9,20		Tin	7,80				41,30		Trúng tuyển
201	010563	Nguyễn Thành Nhân	04/06/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	8,75	9,00	9,85		Anh	6,85				41,30		Trúng tuyển
202	010439	Võ Hiền Minh	10/03/2011		Thí sinh tự do	8,00	9,30	8,95		Toán	7,50				41,25		Trúng tuyển
203	010573	Lê Huỳnh An Nhi	28/05/2011	x	Trường THCS An Hòa 2	8,50	9,75	9,00		Lý	7,00				41,25		Trúng tuyển

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Học sinh trường	Điểm môn chung				Điểm môn chuyên				KK	ĐXT C1	ĐXT C2	Ghi chú
						Văn	Toán	Anh	Pháp	Chuyên 1		Chuyên 2					
204	010602	Trần Hoàn Phát	16/04/2011		Trường THCS Lê Bình	9,50	7,80	9,85		Anh	7,05				41,25		Trúng tuyển
205	010712	Nguyễn Hữu Thắng	13/11/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	8,25	9,75	9,75		Toán	6,75				41,25		Trúng tuyển
206	010044	Nguyễn Nam Anh	22/06/2011		Trường THCS Lê Lợi	7,25	9,50	9,45		Toán	7,50				41,20		Trúng tuyển
207	010715	Lê Nguyễn Xuân Thắng	23/01/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,50	8,75	8,95		Lý	8,00				41,20		Trúng tuyển
208	010851	Nguyễn Hà Ngọc Trí	21/03/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,25	8,40	9,35		Anh	8,10				41,20		Trúng tuyển
209	010888	Trương Gia Tuệ	26/03/2011	x	Trường THCS Lê Bình	8,25	7,40	8,05		Sử	8,75				41,20		Trúng tuyển
210	010115	Huỳnh Bảo Châu	11/07/2011	x	Trường THCS Chu Văn An	7,75	9,25	9,85		Sinh	7,13				41,11		Trúng tuyển
211	010309	Lâm Đoàn Gia Khánh	25/09/2011		Trường THCS Lê Bình	6,25	8,75	8,30		Tin	8,90				41,10		Trúng tuyển
212	010949	Nguyễn Triều Vỹ	06/06/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	8,50	9,50	9,35		Anh	6,85				41,05		Trúng tuyển
213	010349	Nguyễn Hải Xuân Khuê	10/12/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,75	9,25	9,35		Hóa	7,33				41,01		Trúng tuyển
214	010470	Lê Phương Nga	04/04/2011	x	Trường THCS An Hòa 1	9,00	8,05	9,45		Văn	7,25				41,00		Trúng tuyển
215	010524	Trần Như Bảo Ngọc	26/03/2011	x	Trường THCS Lê Quý Đôn	8,50	8,30	8,70		Văn	7,75				41,00		Trúng tuyển
216	010864	Võ Huỳnh Thanh Trúc	24/05/2011	x	Trường THCS Trà An	8,25	8,85	9,60		Hóa	7,14				40,98		Trúng tuyển
217	010692	Nguyễn Ngọc Hằng San	07/04/2011	x	Trường THCS An Thới	7,50	7,10	8,85		Địa	8,75				40,95		Trúng tuyển
218	010957	Tăng Bảo Yến	19/01/2011	x	Trường THCS Thốt Nốt	9,50	7,20	8,70		Sử	7,75				40,90		Trúng tuyển
219	010229	Nguyễn Huy Hoàng	22/04/2011		Trường THCS An Thới	6,75	8,25	8,45		Tin	8,70				40,85		Trúng tuyển
220	010799	Nguyễn Hoàng Kim Thy	01/11/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,75	8,40	8,70		Văn	8,00				40,85		Trúng tuyển
221	010507	Nguyễn Hoàng Khánh Ngọc	14/11/2011	x	Trường THCS An Khánh	8,00	8,75	9,50		Hóa	7,28				40,81		Trúng tuyển
222	010511	Nguyễn Khánh Ngọc	02/06/2011	x	Trường THCS Trần Ngọc Quế	7,50	8,10	10,00		Anh	7,60				40,80		Trúng tuyển
223	010724	Lê Hoàng Kim Thanh	09/09/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,25	9,25		8,00	Sinh	8,13				40,76		Trúng tuyển
224	010828	Nguyễn Ngọc Trâm	02/09/2011	x	Phổ thông Việt Mỹ	8,50	7,65	9,10		Văn	7,75				40,75		Trúng tuyển
225	010889	Nguyễn Hoàng Gia Tuệ	21/08/2011	x	Trường THCS An Khánh	8,25	8,55	8,45		Văn	7,75				40,75		Trúng tuyển
226	010446	Phan Ngọc Phúc Minh	13/08/2011	x	Trường THCS Lương Thế Vinh	8,75	6,85	9,55		Văn	7,75				40,65		Trúng tuyển

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Học sinh trường	Điểm môn chung				Điểm môn chuyên				KK	ĐXT C1	ĐXT C2	Ghi chú
						Văn	Toán	Anh	Pháp	Chuyên 1		Chuyên 2					
227	010095	Võ Gia Bảo	29/05/2011		Phổ thông Việt Hoa	8,75	7,85	9,50		Văn	7,25				40,60		Trúng tuyển
228	010352	Lê Nguyễn Trung Kiên	02/06/2011		Trường THCS Châu Văn Liêm	7,75	8,25	9,60		Lý	7,50				40,60		Trúng tuyển
229	010605	Ngô Mạnh Phát	30/03/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	7,50	9,25		9,45	Pháp	7,20				40,60		Trúng tuyển
230	010679	Nguyễn Thị Ngọc Quý	11/10/2011	x	Trường THCS Châu Văn Liêm	8,25	9,05	8,80		Sinh	7,25				40,60		Trúng tuyển
231	010052	Đào Ngọc Tâm Anh	14/06/2011	x	Trường THCS Trần Ngọc Quế	7,50	9,10	9,25		Hóa	7,36				40,57		Trúng tuyển
232	010427	Lê Minh Mẫn	04/04/2011		Trường THCS An Thới	8,00	8,80	9,45		Hóa	7,15				40,55		Trúng tuyển
233	010794	Nguyễn Phương Thùy	17/02/2011	x	Trường THCS An Thới	7,83	9,25	8,45		Lý	7,50				40,53		Trúng tuyển
234	010638	Nguyễn Hoàng Thiên Phúc	17/05/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	7,25	7,80		9,20	Pháp	8,13				40,51		Trúng tuyển
235	010209	Nguyễn Trần Gia Hân	09/09/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,75	8,25	9,50		Văn	7,50				40,50		Trúng tuyển
236	010644	Khoa Nhiên Phúc	08/03/2011	x	Trường THCS An Khánh	8,25	8,85	9,85		Anh	6,75				40,45		Trúng tuyển
237	010848	Huỳnh Thị Ngọc Trang	13/06/2011	x	Trường THCS Trần Ngọc Quế	8,50	8,55	8,40		Văn	7,50				40,45		Trúng tuyển
238	010626	Nguyễn Thiên Phú	21/10/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,75	9,00	8,70		Hóa	7,49				40,43		Trúng tuyển
239	010190	Lê Thanh Hải	04/11/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	8,25	8,55	7,70		Hóa	7,95				40,40		Trúng tuyển
240	010432	Lê Anh Minh	05/12/2011		Trường THCS Trần Ngọc Quế	7,25	8,75	10,00		Tin	7,20				40,40		Trúng tuyển
241	010528	Nguyễn Thanh Ngọc	08/07/2011	x	Trường THCS Trường Thành 2	8,00	7,30	8,55		Văn	8,25				40,35		Trúng tuyển
242	010757	Trần Phú Thịnh	16/01/2011		Trường THCS Châu Văn Liêm	8,50	8,50	8,85		Lý	7,25				40,35		Trúng tuyển
243	010228	Nguyễn Khải Hoàn	19/03/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	8,75	8,30	9,25		Anh	7,00				40,30		Trúng tuyển
244	010475	Lê Huỳnh Thiên Ngân	11/01/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	8,00	8,75	9,25		Sinh	7,13				40,26		Trúng tuyển
245	010735	Nguyễn Tâm Thanh	14/11/2011	x	Trường THCS Chu Văn An	8,00	9,05	9,45		Sinh	6,88				40,26		Trúng tuyển
246	010049	Lê Ngọc Phương Anh	06/05/2011	x	Trường THCS và THPT Thới Thuận	7,50	8,25	9,20		Sinh	7,63				40,21		Trúng tuyển
247	010194	Mai Gia Hân	24/11/2011	x	Trường THCS Lương Thế Vinh	7,75	9,25	9,20		Sinh	7,00				40,20		Trúng tuyển
248	010909	Triệu Ngọc Tuyền	10/06/2011	x	Trường THCS Thường Thạnh	7,50	8,55	8,95		Tin	7,60				40,20		Trúng tuyển
249	010897	Phạm Duy Tường	26/04/2011		Trường THCS An Thới	8,00	8,80	8,35		Lý	7,50				40,15		Trúng tuyển

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Học sinh trường	Điểm môn chung				Điểm môn chuyên				KK	ĐXT C1	ĐXT C2	Ghi chú
						Văn	Toán	Anh	Pháp	Chuyên 1		Chuyên 2					
250	010464	Nguyễn Nam	13/09/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,00	7,55	7,95		Tin	8,80				40,10		Trúng tuyển
251	010480	Nguyễn Ngọc Ngân	12/11/2011	x	Trường THCS Mỹ Khánh	8,25	8,25	8,60		Văn	7,50				40,10		Trúng tuyển
252	010517	Trương Lê Bảo Ngọc	05/05/2011	x	Trường THCS Lương Thế Vinh	8,00	8,65	7,95		Văn	7,75				40,10		Trúng tuyển
253	010774	Nguyễn Minh Thư	27/05/2011	x	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	8,75	8,25	9,10		Văn	7,00				40,10		Trúng tuyển
254	010426	Lê Vương Kim Mai	27/04/2011	x	Thí sinh tự do	8,83	8,05	8,45		Sinh	7,38				40,09		Trúng tuyển
255	010676	Cao Xuân Quang	25/07/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	7,50	8,35	9,30		Anh	7,45				40,05		Trúng tuyển
256	010013	Dương Nhật An	09/06/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	8,00	8,60	10,00		Anh	6,70				40,00		Trúng tuyển
257	010368	Lê Trần Bách Kỳ	03/08/2011	x	Trường THCS Thới Long	8,00	9,00	10,00		Anh	6,50				40,00		Trúng tuyển
258	010625	Nguyễn Gia Phú	11/10/2011		Thí sinh tự do	7,00	7,80	9,45		Anh	7,85				39,95		Trúng tuyển
259	010390	Huỳnh Gia Linh	09/02/2011	x	Trường THCS Lê Bình	9,00	9,05	7,85		Văn	7,00				39,90		Trúng tuyển
260	010455	Ngô Trúc Minh	13/09/2011	x	Thí sinh tự do	8,50	6,80	9,55		Văn	7,50				39,85		Trúng tuyển
261	010054	Nguyễn Ngọc Thùy Anh	15/03/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	8,00	8,75	9,30		Sinh	6,88				39,81		Trúng tuyển
262	010307	Nguyễn Đăng Khánh	13/12/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,50	8,25		9,20	Pháp	7,43				39,81		Trúng tuyển
263	010037	Nguyễn Huỳnh Vân Anh	19/05/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,75	8,55	9,00		Sinh	7,25				39,80		Trúng tuyển
264	010506	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	01/03/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	8,50	8,75		9,65	Pháp	6,45				39,80		Trúng tuyển
265	010685	Trần Ngọc Phương Quỳnh	19/10/2011	x	Trường THCS An Hòa 2	7,50	7,95	8,35		Văn	8,00				39,80		Trúng tuyển
266	010342	Bùi Lý Anh Khôi	21/05/2011		Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	8,25	8,75	9,45		Hóa	6,66				39,77		Trúng tuyển
267	010443	Lê Khánh Minh	10/09/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	7,75	8,50		9,20	Pháp	7,15				39,75		Trúng tuyển
268	010234	Bùi Thanh Hồng	04/09/2011	x	Trường THCS Trà An	7,50	9,25	9,55		Anh	6,70				39,70		Trúng tuyển
269	010454	Trương Tiến Minh	10/05/2011		Trường THCS An Khánh	7,25	8,80	9,75		Anh	6,95				39,70		Trúng tuyển
270	010555	Nguyễn Tường Khánh Nguyễn	03/05/2011	x	Trường THCS Lương Thế Vinh	8,50	8,50	8,70		Văn	7,00				39,70		Trúng tuyển
271	010674	Lý Minh Quang	03/07/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,75	8,05	9,30		Anh	7,25				39,60		Trúng tuyển
272	010055	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	20/04/2011	x	Trường THCS Trần Ngọc Quế	8,75	8,55	8,85		Hóa	6,69				39,53		Trúng tuyển

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Học sinh trường	Điểm môn chung				Điểm môn chuyên				KK	ĐXT C1	ĐXT C2	Ghi chú
						Văn	Toán	Anh	Pháp	Chuyên 1		Chuyên 2					
273	010783	Lê Ngọc Minh Thu	07/12/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	8,00	7,80	9,60		Anh	7,05				39,50		Trúng tuyển
274	010086	Trần Minh Bách	13/05/2011		Phổ thông Việt Hoa	7,00	7,60	9,05		Anh	7,90				39,45		Trúng tuyển
275	010214	Lâm Gia Hạo	10/04/2011		Trường THCS Phú Thứ	7,25	8,75	7,45		Địa	8,00				39,45		Trúng tuyển
276	010365	Phan Tôn Khánh Kim	18/04/2011	x	Trường THCS Chu Văn An	8,75	9,30	9,60		Hóa	5,90				39,45		Trúng tuyển
277	010109	Nguyễn Huỳnh Thư Các	24/12/2011	x	Trường THCS Tân Bình	8,25	7,85	8,30		Tin	7,50				39,40		Trúng tuyển
278	010946	Trần Thảo Vy	07/02/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	8,75	8,80	9,35		Văn	6,25				39,40		Trúng tuyển
279	010641	Nguyễn Lý Thiên Phúc	01/07/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	8,00	9,05	10,00		Anh	6,15				39,35		Trúng tuyển
280	010193	Lê Gia Hân	05/06/2011	x	Trường THCS Long Tuyền	7,75	6,85	9,70		Anh	7,50				39,30		Trúng tuyển
281	010239	Phan Hiếu Hưng	18/10/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	8,25	8,55	9,45		Lý	6,50				39,25		Trúng tuyển
282	010438	Nguyễn Đức Minh	04/03/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	8,75	8,25	10,00		Anh	6,10				39,20		Trúng tuyển
283	010166	Lê Minh Đăng	03/04/2011		Trường THCS Hưng Thạnh	6,50	6,80	8,65		Anh	8,60				39,15		Trúng tuyển
284	010720	Nguyễn Công Thành	20/12/2011		Trường THCS An Khánh	8,00	9,30	9,75		Anh	6,05				39,15		Trúng tuyển
285	010150	Tăng Huỳnh Đức Duy	23/05/2011		Phổ thông Việt Hoa	6,50	7,55	9,15		Anh	7,95				39,10		Trúng tuyển
286	010489	Lâm Thị Khánh Ngân	18/07/2011	x	Trường THCS Thuận An	8,50	8,25	8,35		Văn	7,00				39,10		Trúng tuyển
287	010582	Nguyễn Mai An Nhiên	09/04/2011	x	Trường THCS Trà An	8,50	7,80	9,50		Hóa	6,65				39,10		Trúng tuyển
288	010660	Lê Nhã Phương	22/05/2011	x	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	8,50	6,45	7,60		Văn	8,25				39,05		Trúng tuyển
289	010840	Nguyễn Ngọc Mỹ Trân	06/01/2011	x	Trường THCS Lương Thế Vinh	8,75	9,25	9,05		Địa	6,00				39,05		Trúng tuyển
290	010174	Nguyễn Võ Gia Đạt	25/06/2011		Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	8,00	8,25	9,75		Anh	6,50				39,00		Trúng tuyển
291	010220	Nguyễn Chí Hiếu	03/05/2011		Trường THCS Phú Thứ	6,75	6,85	9,70		Anh	7,85				39,00		Trúng tuyển
292	010290	Lê Đăng Khang	20/04/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	7,25	7,30	7,45		Địa	8,50				39,00		Trúng tuyển
293	010565	Nguyễn Thanh Hạnh Nhân	03/02/2011	x	Trường THCS Bình Thủy	8,50	9,25	10,00		Anh	5,60				38,95		Trúng tuyển
294	010650	Nguyễn Lê Nghị Phước	13/11/2011		Trường THCS Hưng Thạnh	9,25	9,00	9,30		Anh	5,70				38,95		Trúng tuyển
295	010873	Trần Thanh Trúc	04/07/2011	x	Trường THCS Trà An	7,75	8,25	8,95		Văn	7,00				38,95		Trúng tuyển

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Học sinh trường	Điểm môn chung				Điểm môn chuyên				KK	ĐXT C1	ĐXT C2	Ghi chú
						Văn	Toán	Anh	Pháp	Chuyên 1		Chuyên 2					
296	010120	Trần Ngọc Bảo Châu	06/11/2011	x	Trường THCS An Thạnh	7,75	8,50	9,45		Tin	6,60				38,90		Trúng tuyển
297	010111	Nguyễn Huỳnh Thư Cát	22/03/2011	x	Trường THCS Lương Thế Vinh	8,75	9,00	9,75		Anh	5,65				38,80		Trúng tuyển
298	010310	Trần Gia Khánh	26/01/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	7,25	8,30	9,45		Anh	6,90				38,80		Trúng tuyển
299	010714	Đinh Nguyễn Thắng	05/09/2011		Trường THCS Trà An	7,00	8,30	9,00		Sử	7,25				38,80		Trúng tuyển
300	010137	Lê Thị Hiền Diệu	25/03/2011	x	Trường THCS An Hòa 2	7,75	9,00	9,70		Anh	6,15				38,75		Trúng tuyển
301	010215	Võ Gia Hào	30/07/2011		Trường THCS Trà An	7,25	9,25	9,45		Anh	6,40				38,75		Trúng tuyển
302	010458	Nguyễn Hàng Song My	26/03/2011	x	Trường THCS An Khánh	7,50	6,35	7,85		Địa	8,50				38,70		Trúng tuyển
303	010673	Hà Đại Quang	11/11/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	7,75	6,70	8,25		Văn	8,00				38,70		Trúng tuyển
304	010494	Phạm Quang Nghị	28/05/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,50	7,60	7,55		Địa	8,00				38,65		Trúng tuyển
305	010788	Trịnh Thanh Thư	14/12/2011	x	Trường THCS An Thới	6,75	8,55	8,35		Sử	7,50				38,65		Trúng tuyển
306	010067	Nguyễn Quỳnh Anh	10/11/2011	x	Trường THCS Phú Thứ	7,50	7,55	7,05		Địa	8,25				38,60		Trúng tuyển
307	010501	Nguyễn Trọng Nghĩa	27/05/2011		Trường THCS Chu Văn An	7,25	8,10	9,70		Sử	6,75				38,55		Trúng tuyển
308	010079	Nguyễn Ngọc Ánh	19/07/2011	x	Trường THCS Thới Bình	7,00	8,05	8,20		Trung	7,63				38,51		Trúng tuyển
309	010351	Phạm Nguyễn Khang Kiện	14/07/2011		Trường THCS Tân Bình	7,00	7,10	8,10		Tin	7,90			0,5	38,50		Trúng tuyển
310	010643	Nguyễn Ngọc Thiên Phúc	28/09/2011	x	Trường THCS An Thới	7,50	7,05	7,45		Địa	8,25				38,50		Trúng tuyển
311	010741	Trịnh Nguyễn Thảo	24/09/2011		Trường THCS Lê Bình	8,25	8,25	9,85		Anh	6,00				38,35		Trúng tuyển
312	010340	Phan Hồng Minh Khôi	01/12/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,25	6,90	8,95		Tin	7,60				38,30		Trúng tuyển
313	010749	Lee Bảo Thi	11/01/2011	x	Trường THCS Chu Văn An	7,75	6,70	9,45		Anh	7,20				38,30		Trúng tuyển
314	010890	Ngô Hữu Tuệ	08/04/2011	x	Trường THCS Lương Thế Vinh	9,00	8,00	9,20		Anh	6,05				38,30		Trúng tuyển
315	010521	Lê Nguyễn Bảo Ngọc	24/02/2011	x	Trường THCS An Hòa 1	8,25	8,25	9,75		Anh	6,00				38,25		Trúng tuyển
316	010181	Nguyễn Hoàng Ngân Hà	19/04/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	8,75	8,10		8,90	Pháp	6,23				38,21		Trúng tuyển
317	010042	Nguyễn Lưu Trí Anh	20/08/2011		Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	8,00	9,25	9,85		Anh	5,55				38,20		Trúng tuyển
318	010382	Nguyễn Âu Nhật Lan	21/04/2011	x	Trường THCS Châu Văn Liêm	7,25	9,25	9,45		Anh	6,10				38,15		Trúng tuyển

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Học sinh trường	Điểm môn chung				Điểm môn chuyên				KK	ĐXT C1	ĐXT C2	Ghi chú
						Văn	Toán	Anh	Pháp	Chuyên 1		Chuyên 2					
319	010032	Lê Hoàng Phương Anh	06/02/2011	x	Trường THCS An Hòa 2	8,50	7,80	9,60		Anh	6,10				38,10		Trúng tuyển
320	010435	Lê Bình Minh	18/04/2011	x	Trường THCS Thốt Nốt	8,50	9,00	8,05		Lý	6,25				38,05		Trúng tuyển
321	010855	Nguyễn Minh Triết	15/09/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,50	8,80		9,15	Pháp	6,23				37,91		Trúng tuyển
322	010442	Phan Hữu Minh	16/12/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	7,50	8,75	9,75		Anh	5,95				37,90		Trúng tuyển
323	010485	Giang Thanh Ngân	21/10/2011	x	Phổ thông Việt Mỹ	8,00	8,05	9,60		Anh	6,10				37,85		Trúng tuyển
324	010015	Trần Quốc An	03/08/2011		Trường THCS Hưng Thạnh	6,50	8,60	5,30		Tin	8,70				37,80		Trúng tuyển
325	010320	Võ Thiên Khánh	17/06/2011	x	Trường THCS An Hòa 1	7,50	7,55	9,50		Anh	6,60				37,75		Trúng tuyển
326	010963	Lê Ngọc Yến	12/01/2011	x	Trường THCS Hưng Phú	8,50	7,60	7,60		Sử	7,00				37,70		Trúng tuyển
327	010386	Danh Trần Xuân Lan	15/09/2011	x	Trường THCS Hưng Phú	8,50	7,35	7,30		Địa	7,25				37,65		Trúng tuyển
328	010713	Nguyễn Hữu Thắng	02/04/2011		Trường THCS An Hòa 2	8,25	8,50	8,90		Tin	6,00				37,65		Trúng tuyển
329	010271	Dương Thế Huy	10/06/2011		Trường THCS An Thới	6,50	7,55	9,05		Lý	7,25				37,60		Trúng tuyển
330	010274	Đỗ Văn Huy	12/05/2011		Trường THCS An Thới	7,25	7,85	9,00		Lý	6,75				37,60		Trúng tuyển
331	010070	Phan Tấn Anh	24/02/2011		Trường THCS Bình Thủy	6,75	6,65	9,55		Anh	7,30				37,55		Trúng tuyển
332	010572	Nguyễn Đông Nhi	14/02/2011	x	Trường THCS Dương Kỳ Hiệp	8,50	8,50	8,55		Lý	6,00				37,55		Trúng tuyển
333	010595	Nguyễn Quỳnh Như	21/12/2011	x	Trường THCS Hưng Thạnh	8,50	9,75	8,80		Lý	5,25				37,55		Trúng tuyển
334	010550	Lê Phúc Kim Nguyên	27/08/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	8,25	8,30	9,75		Anh	5,60				37,50		Trúng tuyển
335	010074	Trần Thị Ngọc Anh	13/03/2011	x	Trường THCS Mỹ Khánh	7,50	7,55	7,80		Tin	7,30				37,45		Trúng tuyển
336	010648	Dương Võ Như Phúc	06/12/2011	x	Trường THCS Phú Thứ	7,75	7,35	9,35		Sử	6,50				37,45		Trúng tuyển
337	010497	Quách Tường Nghi	06/07/2011	x	Trường THCS Thới Bình	7,25	8,05	9,45		Trung	6,33				37,41		Trúng tuyển
338	010225	Khuu Đạt Hòa	08/03/2011		Trường THCS Hưng Phú	7,50	6,90	9,00		Địa	7,00				37,40		Trúng tuyển
339	010273	Võ Tường Huy	10/08/2011		Trường THCS Hưng Phú	7,50	7,85	9,85		Anh	6,10				37,40		Trúng tuyển
340	010139	Trịnh Minh Dũng	14/10/2011		Phổ thông Việt Mỹ	6,75	8,30	8,30		Sử	7,00				37,35		Trúng tuyển
341	010243	Nguyễn Quang Hưng	12/11/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,50	7,20		9,15	Pháp	6,75				37,35		Trúng tuyển

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Học sinh trường	Điểm môn chung				Điểm môn chuyên				KK	ĐXT C1	ĐXT C2	Ghi chú
						Văn	Toán	Anh	Pháp	Chuyên 1		Chuyên 2					
342	010647	Võ Trọng Phúc	18/02/2011		Trường THCS Chu Văn An	8,00	5,70	6,05		Địa	8,75				37,25		Trúng tuyển
343	010678	Lê Nhựt Quý	13/09/2011		Trường THCS Phú Thứ	7,50	6,05	6,70		Địa	8,50				37,25		Trúng tuyển
344	010516	Trần Lâm Khánh Ngọc	19/12/2011	x	Trường THCS An Khánh	7,75	8,50	9,85		Anh	5,55				37,20		Trúng tuyển
345	010240	Trần Lê Hùng	21/03/2011		Trường THCS Hưng Thạnh	8,25	7,75	9,70		Anh	5,70				37,10		Trúng tuyển
346	010337	Nguyễn Hoàng Anh Khôi	29/08/2011		Trường phổ thông Thái Bình Dương	7,00	7,85	8,65		Anh	6,80				37,10		Trúng tuyển
347	010887	Phạm Thái Tuấn	28/01/2011		Trường THCS An Thới	7,75	7,15	8,70		Sử	6,75				37,10		Trúng tuyển
348	010593	Trần Nguyễn Nhu	20/09/2011		Trường THCS Hưng Thạnh	8,00	8,50	8,90		Địa	5,75				36,90		Trúng tuyển
349	010876	Chiêm Minh Trường	02/10/2011		Trường THCS Hưng Thạnh	7,25	8,55	7,10		Sử	7,00				36,90		Trúng tuyển
350	010125	Trần Nguyễn Linh Chi	23/08/2011	x	Trường THCS Lương Thế Vinh	8,50	8,55	8,80		Sử	5,50				36,85		Trúng tuyển
351	010606	Nguyễn Minh Phát	07/04/2011		Thí sinh tự do	6,75	7,50	8,50		Lý	7,00				36,75		Trúng tuyển
352	010155	Ngô Ngọc Kỳ Duyên	20/11/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	8,00	7,75	4,85		Sử	8,00				36,60		Trúng tuyển
353	010859	Nguyễn Ngô Khánh Trinh	29/06/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,25	9,25	8,10		Lý	6,00				36,60		Trúng tuyển
354	010387	Lê Hiếu Lễ	03/12/2011		Trường THCS Trần Hưng Đạo	7,50	6,60	9,10		Tin	6,10			1,0	36,40		Trúng tuyển
355	010377	Lê Phúc Lâm	18/09/2011		Trường THCS Trần Hưng Đạo	8,00	8,05	9,45		Tin	5,40				36,30		Trúng tuyển
356	010158	Lê Thị Mỹ Duyên	31/03/2011	x	Trường THCS Thường Thạnh	7,75	8,55	7,95		Tin	6,00				36,25		Trúng tuyển
357	010780	Nguyễn Ngọc Anh Thư	19/10/2011	x	Trường THCS Hưng Phú	7,25	6,70	6,30		Địa	8,00				36,25		Trúng tuyển
358	010758	Phạm Phúc Thịnh	16/09/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	7,25	9,50	8,45		Lý	5,50				36,20		Trúng tuyển
359	010849	Vũ Công Trí	01/12/2011		Trường THCS An Thới	5,50	7,55	9,30		Tin	6,90				36,15		Trúng tuyển
360	010339	Trần Hoàng Đăng Khôi	05/08/2011		Trường THCS Hưng Thạnh	7,50	6,80	6,30		Địa	7,75				36,10		Trúng tuyển
361	010856	Nguyễn Minh Triết	11/11/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	7,50	8,05	8,05		Lý	6,25				36,10		Trúng tuyển
362	010872	Tăng Thanh Trúc	25/08/2011	x	Trường THCS Phú Thứ	6,66	8,30	8,10		Địa	6,50				36,06		Trúng tuyển
363	010765	Trần Khánh Thơ	08/07/2011	x	Trường THCS An Thới	7,75	6,00	8,90		Trung	6,70				36,05		Trúng tuyển
364	010892	Trần Duy Tùng	11/07/2011		Trường THCS An Hòa 1	8,00	8,55	8,85		Lý	5,25				35,90		Trúng tuyển

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Học sinh trường	Điểm môn chung				Điểm môn chuyên				KK	ĐXT C1	ĐXT C2	Ghi chú
						Văn	Toán	Anh	Pháp	Chuyên 1		Chuyên 2					
365	010760	Lưu Phước Thịnh	21/02/2011		Trường THCS An Thái	7,75	8,55	8,05		Lý	5,75				35,85		Trúng tuyển
366	010472	Trần Thị Thúy Nga	03/07/2011	x	Trường THCS Trà An	8,00	6,35	7,45		Địa	7,00				35,80		Trúng tuyển
367	010868	Nguyễn Phạm Thanh Trúc	06/03/2011	x	Trường THCS Phú Thứ	7,00	8,35	7,95		Sử	6,25				35,80		Trúng tuyển
368	010549	Nguyễn Phúc Nguyên	06/02/2011		Trường THCS Phú Thứ	7,75	6,90	7,05		Sử	7,00				35,70		Trúng tuyển
369	010318	Đỗ Quốc Khánh	19/10/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,25	8,10		8,65	Pháp	5,83				35,66		Trúng tuyển
370	010773	Dương Huỳnh Minh Thư	07/11/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,75	8,10		9,15	Pháp	5,33				35,66		Trúng tuyển
371	010141	Hoàng Quốc Dũng	13/11/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	7,75	7,75	8,05		Lý	6,00				35,55		Trúng tuyển
372	010789	Nguyễn Thị Minh Thư	24/12/2011	x	Trường THCS Hưng Thạnh	6,00	6,65	6,35		Địa	8,25				35,50		Trúng tuyển
373	010263	Vũ Nguyễn Gia Huy	19/05/2011		Trường THCS Hưng Thạnh	5,25	8,55	5,10		Địa	8,25				35,40		Trúng tuyển
374	010798	Nguyễn Hoàng Khánh Thy	16/05/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,75	7,60		8,65	Pháp	5,68				35,36		Trúng tuyển
375	010360	Nguyễn Thị Ngọc Kiều	16/03/2011	x	Trường THCS Hưng Phú	7,25	7,25	5,70		Địa	7,50				35,20		Trúng tuyển
376	010831	Nguyễn Như Trâm	09/03/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	8,25	5,80		8,75	Pháp	6,20				35,20		Trúng tuyển
377	010925	Quách Phú Vinh	12/05/2011		Trường THCS Chu Văn An	8,00	7,65	9,50		Lý	5,00				35,15		Trúng tuyển
378	010130	Nguyễn Hùng Cường	15/02/2011		Trường THCS An Khánh	7,00	7,10	7,95		Sử	6,50				35,05		Trúng tuyển
379	010764	Nguyễn Hà An Thơ	09/09/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,75	6,85		8,95	Pháp	5,75				35,05		Trúng tuyển
380	010430	Cao Văn Mạnh	29/01/2011		Trường THCS Hưng Thạnh	7,00	7,10	6,30		Địa	7,25				34,90		Trúng tuyển
381	010915	Phạm Mỹ Uyên	23/06/2011	x	Trường THCS Trần Ngọc Quế	8,00	7,15	5,70		Địa	7,00				34,85		Trúng tuyển
382	010671	Nguyễn Việt Quân	12/10/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,00	7,60		8,65	Pháp	5,55				34,35		Trúng tuyển
383	010884	Trần Gia Tuấn	09/03/2011		Trường THCS Chu Văn An	7,75	8,50	8,25		Trung	4,88				34,26		Trúng tuyển
384	010418	Nguyễn Đình Phúc Mai	22/05/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	8,25	6,00	8,45		Sử	5,75				34,20		Trúng tuyển
385	010002	Thái Thị Khả Ái	24/08/2011	x	Trường THCS Nguyễn Văn Quy	6,50	8,05	9,60		Sử	5,00				34,15		Trúng tuyển
386	010184	Lê Thái Hà	29/07/2011	x	Trường THCS Hưng Thạnh	7,25	6,80	9,50		Sử	5,25				34,05		Trúng tuyển
387	010089	Tạ Đặng Gia Bảo	26/08/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,75	8,75		8,45	Pháp	4,45				33,85		Trúng tuyển

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Học sinh trường	Điểm môn chung				Điểm môn chuyên				KK	ĐXT C1	ĐXT C2	Ghi chú
						Văn	Toán	Anh	Pháp	Chuyên 1		Chuyên 2					
388	010402	Đoàn Ngô Gia Lộc	11/12/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,00	6,50	6,85		Địa	6,75				33,85		Trúng tuyển
389	010634	Huỳnh Đông Phúc	01/05/2011		Trường THCS Hưng Thạnh	6,00	6,15	5,65		Địa	8,00				33,80		Trúng tuyển
390	010561	Nguyễn Phước Nhân	11/05/2011		Trường THCS Hưng Thạnh	5,75	4,90	7,60		Địa	7,75				33,75		Trúng tuyển
391	010126	Trịnh Trúc Chi	19/01/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,50	6,90		8,70	Pháp	5,28				33,66		Trúng tuyển
392	010053	Lương Ngọc Thảo Anh	25/10/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	8,75	6,40		8,15	Pháp	5,15				33,60		Trúng tuyển
393	010691	Nguyễn Hà Sâm	09/08/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	8,00	8,05	8,05		Sử	4,75				33,60		Trúng tuyển
394	010119	Huỳnh Minh Châu	05/03/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,50	5,90	7,55		Sử	6,25				33,45		Trúng tuyển
395	010380	Nguyễn Trương Nhật Lam	18/02/2011	x	Trường THCS Hưng Thạnh	8,33	6,70	6,40		Sử	6,00				33,43		Trúng tuyển
396	010422	Lê Nguyễn Phương Mai	19/05/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,00	7,75		8,60	Pháp	5,00				33,35		Trúng tuyển
397	010447	Hồ Ngọc Tuyết Minh	14/02/2011	x	Trường THCS Thới Long	7,00	7,85	6,55				Địa	5,75			32,90	Trúng tuyển
398	010408	Nguyễn Hoàng Long	08/04/2011		Trường THCS Lương Thế Vinh	6,75	7,30		7,80	Pháp	5,43				32,71		Trúng tuyển
399	010776	Trần Minh Thư	12/07/2011	x	Trường THCS Trường Xuân	8,00	5,65	6,40		Sử	6,25				32,55		Trúng tuyển
400	010775	Thái Minh Thư	03/11/2011	x	Trường THCS Phú Thứ	7,50	8,10	7,95		Trung	4,45				32,45		Trúng tuyển
401	010424	Cù Nhật Mai	26/11/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,50	7,15		8,25	Pháp	4,73				32,36		Trúng tuyển
402	010916	Lâm Nhã Uyên	22/05/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	8,00	7,15		7,55	Pháp	4,68				32,06		Trúng tuyển
403	010531	Phạm Thị Tuyết Ngọc	09/06/2011	x	Trường THCS Hưng Thạnh	7,75	5,55	5,65		Địa	6,50				31,95		Trúng tuyển
404	010867	Phạm Ngọc Phương Trúc	01/11/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,25	7,60	9,10		Sử	4,00				31,95		Trúng tuyển
405	010493	Cao Ngọc Gia Nghi	06/09/2011	x	Phổ thông Việt Hoa	6,00	5,80	9,00		Trung	5,53				31,86		Trúng tuyển
406	010645	Phan Thị Hồng Phúc	21/02/2011	x	Trường THCS Thường Thạnh	8,25	6,15	8,75		Trung	4,20				31,55		Trúng tuyển
407	010488	Phạm Thị Diễm Ngân	03/05/2011	x	Trường THCS Hưng Thạnh	7,25	6,40	5,35		Địa	6,25				31,50		Trúng tuyển
408	010509	Ngô Huỳnh Minh Ngọc	05/09/2011	x	Trường THCS An Thới	7,25	6,75	7,80		Sử	4,75				31,30		Trúng tuyển
409	010066	Lê Quỳnh Anh	14/11/2011	x	Trường THCS Phú Thứ	7,75	7,30	7,70				Địa	4,25			31,25	Trúng tuyển
410	010250	Trần Trí Hưng	12/05/2011		Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,50	8,35		6,85	Pháp	4,25				31,20		Trúng tuyển

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Học sinh trường	Điểm môn chung				Điểm môn chuyên				KK	ĐXT C1	ĐXT C2	Ghi chú
						Văn	Toán	Anh	Pháp	Chuyên 1		Chuyên 2					
411	010659	Đặng Nguyễn Thảo Phương	08/04/2011	x	Trường THCS Trường Thành 1	7,00	6,10	7,05		Sử	5,50				31,15		Trúng tuyển
412	010785	Võ Nguyễn Anh Thư	22/03/2011	x	Trường THCS Long Tuyền	9,00	6,00	6,30		Sử	4,75				30,80		Trúng tuyển
413	010091	Lê Đỗ Thanh Bảo	05/09/2011		Trường THCS Hưng Thạnh	5,25	6,65	8,85		Sử	5,00				30,75		Trúng tuyển
414	010133	Nguyễn Hứa Hồng Danh	09/01/2011	x	Trường THCS Chu Văn An	6,50	7,15	7,90		Trung	4,53				30,61		Trúng tuyển
415	010875	Nguyễn Trương Thanh Trúc	11/08/2011	x	Trường THCS An Khánh	8,00	7,60	7,00		Địa	4,00				30,60		Trúng tuyển
416	010835	Nguyễn Ngọc Trân	21/09/2011	x	Trường THCS Phú Thứ	6,83	6,90	8,30		Sử	4,25				30,53		Trúng tuyển
417	010947	Trần Thảo Vy	22/06/2011	x	Trường THCS Chu Văn An	8,25	5,05	7,20		Trung	4,75				30,00		Trúng tuyển
418	010901	Lâm Ngọc Cát Tường	27/03/2011	x	Trường THCS An Hòa 1	6,00	6,55	8,85		Sử	4,25				29,90		Trúng tuyển
419	010303	Tải Trọng Khang	14/11/2011		Trường THCS Long Tuyền	6,75	5,15	9,35		Sử	4,25				29,75		Trúng tuyển
420	010844	Phạm Võ Bảo Trân	24/12/2011	x	Trường THCS Giai Xuân	7,75	8,35	5,15		Trung	4,15				29,55		Trúng tuyển
421	010729	Lê Ngọc Thiên Thanh	26/02/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	6,00	7,35		7,50	Pháp	4,10				29,05		Trúng tuyển
422	010584	Huỳnh Như	08/11/2011	x	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	6,75	7,70		6,35	Pháp	4,03				28,86		Trúng tuyển
423	010694	Nguyễn Tấn Sang	20/11/2011		Trường THCS Hưng Thạnh	6,75	6,30	7,05		Địa	4,25				28,60		Trúng tuyển
424	010581	Dương Yến Nhi	21/05/2011	x	Trường THCS Phú Thứ	7,00	5,50	5,40		Trung	4,20				26,30		Trúng tuyển
425	010196	Nguyễn Gia Hân	19/10/2011	x	Trường THCS Hưng Thạnh	5,75	5,40	5,20		Địa	4,25				24,85		Trúng tuyển
426	010394	Nguyễn Ngọc Hà Linh	01/11/2011	x	Trường THCS An Khánh	5,75	3,75	3,50		Trung	4,15				21,30		Trúng tuyển

Danh sách này có **426** thí sinh trúng tuyển. Trong đó có **212** nữ.